

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày 18-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Mùa A Vàng và ông Đinh Văn Sinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Khuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức L (Nguyễn Văn L), sinh ngày 10 tháng 5 năm 1982; tại huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: K 5, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1951 và bà Bùi Thị S, sinh năm 1953; có vợ: Đinh Thị H, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 09/5/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; ngày 13/5/2010 bị Ủy ban nhân dân huyện Y áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trung tâm giáo dục lao động tỉnh thời gian 24 tháng; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2017 đến nay, có mặt.

- Bị hại:

Đinh Thị S, sinh năm 1969, nơi cư trú: bản C, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

Sa Thị N, sinh năm 1978, nơi cư trú: bản P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đinh Xuân T, sinh năm 1960, nơi cư trú: K 5, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

Thào A H, sinh năm 1989, nơi cư trú: bản T, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người làm chứng*: Đinh Văn H, Nguyễn Văn T, Lò Văn T, Đinh Công D, Đinh Văn T, Nguyễn Duy L1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 01/11/2017, Nguyễn Đức L điều khiển xe máy BKS 19Z 1- 0690 đến khu vực bản C, xã P, huyện B; thấy xe máy có dấu hiệu bị hỏng liền đi đến quán sửa xe của anh Nguyễn Duy L1 nhờ sửa xe; trong lúc anh L1 sửa xe L đi bộ đến T 2, thị trấn B và vào khu nhà trọ của anh Thào A H, thấy trên bề nước có 01 con dao quắm, L liền lấy rồi đi đến quán tạp hóa của chị Đinh Thị S, ngồi ở đó chơi; L thấy một con dao gọt hoa quả để trên bàn nhựa của chị S, liền cầm con dao xem đồng thời hỏi chị S “Bây giờ là mấy giờ rồi cô?” chị S lấy điện thoại ra xem giờ và trả lời L “Bây giờ là 16 giờ 12 phút”; cùng lúc chị Sa Thị N, điều khiển xe máy đến dừng lại hỏi mua bưởi của chị S thì L cầm hai con dao ngồi lên phía sau xe chị N, tay trái cầm con dao quắm ghì vào bả vai trái, tay phải cầm con dao gọt hoa quả kề vào vùng cổ chị N ra lệnh: “Đi ngay, quay lại ngay” chị N giật mình lấy tay gạt mạnh tay đang cầm dao gọt hoa quả của L ra và điều khiển xe máy bỏ chạy. Không khống chế được chị N, L thấy chị S đang ngồi chọn bưởi, tay trái L cầm con dao quắm túm vào cổ áo phía sau của chị S, tay phải cầm con dao gọt hoa quả kề vào cổ của chị S, L nói: “Cháu đang buôn Heroin, cháu đang bị bao vây, yêu cầu cô gọi điện cho người mang xe máy đến để cháu chạy trốn”, lúc đó có anh Đinh Công D, đi ngang qua, chị S nói với anh D: “Thằng này đang buôn Heroin, nó đang bị bao vây, yêu cầu cô phải tìm xe cho nó để nó trốn”, cùng lúc điện thoại của chị S đổ chuông, chị S cầm điện thoại nghe thì L bảo: “Gọi xe về đây đi”, chị S liền đưa điện thoại cho anh D, anh D cầm chiếc điện thoại lùi ra đường quốc lộ 37 đi báo mọi người; được một lúc sau thì có anh Đinh Văn T, đi xe máy qua, chị S gọi: “bác T (T) ơi, cứu em với, nó bắt em làm con tin, nó sắp giết em rồi”. Thấy vậy, anh T đã gọi cho Công an huyện B đến, trong lúc chưa tiếp cận được L. Tổ công tác Công an huyện nói: “Bây giờ anh có yêu cầu gì?” L bảo “phải mang ô tô 4 chỗ về đây mới chấp nhận thả bà này không thì thôi, 5 phút nữa mà không có xe thì bà này chết”. Lợi dụng sự sơ hở của L, chị S đã vung mạnh hai tay khỏi người L làm con dao trên tay L cứa vào ngón tay trở trái chị S rồi rơi xuống đất, chị S bỏ chạy. L nhặt con dao đuổi theo chị S thì cùng lúc lực lượng Công an có mặt ập vào nhằm khống chế L, L vừa khua con dao vừa lùi về phía tà luy âm rồi tự ngã xuống chân bờ kè đá và bị lực lượng Công an bắt giữ, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 con dao gọt hoa quả, 01 con dao quắm, 01 khẩu trang bằng vải và 01 tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 100.000VNĐ, có số

seri BQ 13834444. Xem xét dấu vết trên thân thể chị S thấy: ngón trỏ trái của chị S có một vết rách dài 1,5 cm, rộng 0,5 cm; xem xét dấu vết trên thân thể L thấy tay phải, khuỷu tay, cổ tay phải xưng nề (gãy xương của chi trên) do tự ngã xuống chân bờ kè đá, L được đưa đi điều trị tại bệnh viện đa khoa huyện B.

Ngoài hành vi trên Nguyễn Đức L còn khai nhận: trước khi bị bắt quả tang ngày 30/10/2017, bị cáo điều khiển xe máy BKS: 19Z1 – 0690 đi đến địa phận giáp ranh giữa huyện Y và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào mua ma túy (Heroin và ma túy tổng hợp) với một người đàn ông không biết tên, địa chỉ 01 gói ma túy với giá 300.000VNĐ rồi đến một lán nương sử dụng; sáng ngày 01/11/2017 tiếp tục lấy ma túy ra sử dụng, số ma túy còn lại cất vào túi quần rồi điều khiển xe máy theo hướng Quốc lộ 37 về Phú Thọ, khi qua xã S, huyện B, tỉnh Sơn La gặp một nhóm người nói chuyện công an đang làm ở Kiểm Lâm, đoán Công an đang bắt ma túy, bị cáo đi đến cầu S C thuộc bản C, xã P, huyện B vứt ma túy xuống suối.

Trong qua trình điều tra, chị Đinh Thị S, chị Sa Thị Nt và anh Thào A H đề nghị xử lý nghiêm đối với L, chị S yêu cầu L phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe là 5.000.000VNĐ; chị Sa Thị N từ chối không giám định, chị N và anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường .

Ngày 01/11/2017 Cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ vật chứng 01 xe máy nhãn hiệu DAZAN, BKS: 19Z1 – 0690, số khung HHY61000371, số máy FMH360600371; đồng thời trưng cầu giám định pháp y về thương tích đối với chị Đinh Thị S, trưng cầu định giá tài sản đối con dao quắm của anh Thào A H.

Tại kết luận giám định pháp y số 152/TgT ngày 04/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La, kết luận: sẹo vết thương phần mềm ngón II bàn tay trái số lượng ít, kích thước nhỏ (xếp: 1%). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 1%.

Ngày 20/11/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận về giá trị tài sản: 01 con dao quắm dài 45 cm, có giá trị còn lại là 20.000VNĐ.

Ngày 11/12/2017 chị Sa Thị N có đơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự với L vì không bị thương tích và không bị thiệt hại gì.

Ngày 23/12/2017, chị Đinh Thị H (vợ của bị cáo L) và chị Đinh Thị S đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị S số tiền 5.000.000VNĐ, chị S đã nhận đủ và làm đơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự L về tội cố ý gây thương tích.

Bản cáo trạng số: 14/CTr-VKS-BY ngày 05/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Đức L về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo điểm d, e khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu đó là do nhận thức hạn chế, bị cáo sử dụng ma túy tổng hợp nên có ảo giác đã vi phạm pháp luật, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức L. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 134; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Nguyễn Đức L từ 06 đến 07 năm tù, không áp dụng phạt bổ sung với bị cáo; áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: chấp nhận gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 5.000.000VNĐ cho bị hại chị Đinh Thị S; chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại xe máy BKS 19 Z1-0690 cho anh Đinh Xuân T; đề nghị tịch thu và tiêu hủy: 01 con dao gọt hoa quả dài 30cm của chị Đinh Thị S; 01 khẩu trang bằng vải, kẻ ka rô màu đỏ, đen, trắng của Nguyễn Đức L; đề nghị trả lại: 01 con dao quắm dài 45cm cho anh Thảo A H; 01 tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 100.000VNĐ (Một trăm nghìn đồng) cho Nguyễn Đức L. Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm.

Bị cáo tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được tái hòa nhập cộng đồng, không yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại.

Bị hại chị Đinh Thị S tranh luận: nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất, gia đình bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại về sức khỏe số tiền 5.000.000VNĐ đã nhận đủ; 01 con dao gọt hoa quả đã cũ không có giá trị nên không nhận lại và không yêu cầu gì thêm.

Bị hại chị Sa Thị N có đề nghị xét xử vắng mặt, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thảo A H tranh luận: nhất trí đề nghị của Viện kiểm sát, đề nghị nhận lại con dao quắm và không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Dương sự chị Sa Thị N, anh Đinh Xuân T vắng mặt; Hội đồng xét xử thấy lời khai có trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải

quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, lời khai bị hại, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Khoảng 10 giờ ngày 01/11/2017, bị cáo L điều khiển xe máy BKS 19Z 1- 0690 đến huyện B; sau khi vào quán nhờ sửa xe máy, L đi bộ vào khu nhà trọ của anh Thảo A H ở T 2, thị trấn B, thấy không có người L đã lén lút chiếm đoạt 01 con dao quắm rồi đi bộ đến quán tạp hóa của chị Đinh Thị S ở bản C, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La mua thuốc lá, sữa hộp và ngồi chơi ở đó, L thấy một con dao gọt hoa quả để trên bàn nhựa của chị S, liền cầm lên xem đến khoảng 16 giờ 20 phút, thấy chị Sa Thị N điều khiển xe máy đến L liền sử dụng dao kê vào cổ không chế chị Sa Thị N thì bị chị N phản ứng, gạt tay cầm dao của L ra rồi bỏ chạy; cùng lúc không khống chế được chị N, L quay ngay sang kê dao vào cổ của Đinh Thị S khống chế yêu cầu chị S gọi điện cho người thân, quen phải mang xe máy đến cho L nếu không thì sẽ giết; khoảng 17 giờ lực lượng Công an huyện B đến hiện trường thuyết phục L thì L yêu cầu phải mang ô tô đến cho L, lợi dụng lúc L mất tập trung chị S đã vung mạnh hai tay khỏi người L làm con dao trên tay L cứa vào ngón tay trỏ trái chị S rồi rơi xuống đất. Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 152/TgT ngày 04/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La, kết luận: sẹo vết thương phần mềm ngón II bàn tay trái số lượng ít, kích thước nhỏ (xếp: 1%). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 1%. Như vậy, bị cáo Nguyễn Đức L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi bắt giữ người khác trái phép làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản; đã xâm phạm về quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, quyền sở hữu tài sản của người khác nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo đã công khai sử dụng dao thực hiện hành vi khống chế bắt cóc người, theo hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 2.2 mục 2 phần I Nghị quyết 02/2003/NQ- HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì dao sắc là “phương tiện nguy hiểm” và liên tiếp bắt giữ chị N, chị S rồi yêu cầu người thân mang xe máy, yêu cầu cơ quan chức năng mang ô tô cho bị cáo là tình tiết định khung tăng nặng tại điểm d, e khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 1999; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào bắt cóc người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm: d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác; e) Đối với nhiều người”.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã được cải tạo giáo dục, tái hòa nhập cộng đồng, bị cáo nhận thức được việc sử dụng vũ lực (dao) khống chế bắt giữ trái phép người khác, uy hiếp

tinh thần yêu cầu gọi người thân, cơ quan chức năng mang tài sản đến cho bị cáo là vi phạm pháp luật nghiêm trọng, thấy trước được hậu quả nhưng chỉ vì sử dụng ma túy tổng hợp gây ảo giác, vì mục đích có được tài sản mà ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước; với lỗi cố ý trực tiếp bị cáo chuẩn bị dao, thực hiện công khai giữa ban ngày và liên tiếp bắt giữ trái phép chị N, chị S để đưa ra yêu cầu về tài sản là xe máy và ô tô. Tuy yêu cầu, mục đích của bị cáo chưa đạt được nhưng tội phạm bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra không những xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, làm tổn hại đến sức khỏe chị S 1%, tổn hại tinh thần của người khác mà còn gây tâm lý hoang mang trong nhân dân, ảnh hưởng đến chính sách về giáo dục người phạm tội của Nhà nước, ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại (bị cáo tác động gia đình bồi thường số tiền 5.000.000VNĐ); thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dằn vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo là dân lao động, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, nhận thức pháp luật hạn chế, bị hại chị N có đơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự, chị S có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tuổi đời bị cáo còn trẻ cần thiết giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm. Do đó, xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo có nhân thân xấu (đã từng bị kết án, bị xử lý hành chính), nghiện ma túy, không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 1999 bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: cần áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2017 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[9] Đối với hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 con dao quắm của anh Thào A H, có giá trị 20.000VNĐ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, cơ quan chức năng đã áp dụng biện pháp phạt hành chính. Riêng hành vi bị cáo khai nhận được mua trái phép chất ma túy với một người đàn ông không biết tên tại địa phận giáp ranh giữa huyện Y và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về sử dụng một phần, số ma túy còn lại cất giữ đến ngày 01/11/2017 thì vứt xuống suối C thuộc bản C, xã P, huyện B; cơ quan chức năng đã điều tra, xác minh nhưng không có cơ sở chứng minh, xử lý.

[10] Vật chứng của vụ án:

01 xe máy nhãn hiệu DAZAN, BKS: 19Z1 – 0690 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Đinh Xuân T, anh T không biết việc bị cáo sử dụng đi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thu giữ và trả lại chủ sở hữu là đúng thẩm quyền, có căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 con dao gọt hoa quả dài 30cm, là vật dụng thuộc sở hữu của chị Đinh Thị S, việc bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, nhưng nằm ngoài ý thức của chị S, chị S xác định vật dụng cũ, không còn giá trị sử dụng, không nhận lại nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 con dao quắm dài 45cm, là vật dụng thuộc sở hữu của anh Thào A H, bị cáo đã chiếm đoạt và sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, anh H đề nghị nhận lại nên cần chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 khẩu trang bằng vải, kẻ ka rô màu đỏ, đen, trắng thu là vật dụng của bị cáo dùng để cải trang khi thực hiện hành vi phạm tội, vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 100.000VNĐ, có số seri BQ 13834444 là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Về trách nhiệm dân sự: gia đình bị cáo, bị hại Đinh Thị S đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại về sức khỏe là 5.000.000VNĐ, chị S đã nhận đủ số tiền và không ai đề nghị gì thêm, không đề nghị Toà án ghi nhận nên không có căn cứ giải quyết.

[12] Về án phí: Không có tài liệu xác định bị cáo thuộc trường hợp được miễn, giảm nộp tiền án phí. Do đó, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d, e khoản 2 Điều 134; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự

năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức L (Nguyễn Văn L) phạm tội “ Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (02/11/2017); không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 con dao gọt hoa quả dài 30cm của chị Đinh Thị S; 01 khẩu trang bằng vải, kẻ ka rô màu đỏ, đen, trắng của Nguyễn Đức L.

Trả lại: 01 con dao quả dài 45cm cho anh Thảo A H; 01 tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 100.000VNĐ (Một trăm nghìn đồng) cho Nguyễn Đức L.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/4/2018 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/5/2018); bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B (CSĐT, THAHS, nơi giam);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà